TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST Ngày 17 tháng 02 năm 2023 V/v xin ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tếnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ

2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1982. Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện S, Sơn La. Nơi ở hiện tại: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Việt D, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tiểu khu 16, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Việt D kết hôn với nhau từ năm 2008, do cả hai cùng tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đi đăng ký kết hôn theo quy định và đã được UBND thị trấn S, huyện S vào ngày 02/12/2008, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh

phúc đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống gia đình, không tìm được tiếng nói chung để giải quyết vấn đề nên thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Vì vậy, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không thể tiếp tục chung sống. Chị đã nhiều lần mong muốn ly hôn nhưng anh D không nhất trí. Gần đây anh chị đã chuyển về nhà bố mẹ chồng sống cùng nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Việt D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/02/2012 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 26/9/2009. Hiện tại anh chị đang ở cùng anh chị tại Tiểu khu 16, thị trấn H. Chị có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/02/2012.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, và các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn anh Nguyễn Việt D về địa chỉ Tiểu khu 16, thị trấn H, huyện Mai Sơn. Tuy nhiên, anh D không đến làm việc tại Tòa án, không gửi văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N. Trong quá trình làm việc với anh D tại nơi cư trú, anh D từ chối làm việc với Tòa án, từ chối thể hiện quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N. Căn cứ Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung, nợ chung của chị N và anh D. Ngoài ra, Tòa án tiến hành ghi ý kiến nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi chưa thành niên. Đồng thời, đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều

51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Việt D. Về con chung, giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/02/2012 cho anh Nguyễn Việt D trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 26/9/2009 cho chị Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị N xác nhận không có nợ chung. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Việt D có địa chỉ tại: Tiểu khu 16, thị trấnH, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Qua xác minh xác định bị đơn đã biết được nội dung chị N xin ly hôn tại Tòa án, thời gian và địa điểm Tòa án triệu tập làm việc nhưng bị đơn cố tình không có mặt tại Tòa án, không gửi văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm về việc khởi kiện, từ chối làm việc với Tòa án. Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Việt D và chị Nguyễn Thị Hồng N.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Việt D tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2008, anh chị đã được UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/12/2008. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N, mâu thuẫn là do vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung để giải quyết những bất đồng trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống không hạnh phúc. Anh D từ chối làm việc và thể hiện quan điểm về viêc chị N xin ly hôn, do đó Tòa án tiến hành xác minh tại Ban quản lý Tiểu khu 16, thị trấn Hát Nói nơi vợ chồng chị N và anh D đang chung sống và Đ diện gia đình anh Nguyễn Việt D xác định: Chị

N và anh D kết hôn với anh D từ năm 2008. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống xa nhà, thỉnh thoảng mới về thăm nhà dịp dễ tết. Gần đây, chị N và anh D trở về sinh sống cùng bố mẹ anh D nhưng tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, căng thẳng. Gia đình anh D cho rằng anh D là người chơi bời, cục cằn nên vợ chồng có nhiều bất đồng, không có tiếng nói chung. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, bản thân anh D không có động thái hòa giải và biện pháp hàn gắn tình cảm với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N, xử cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Việt D.

[2.2] Về con chung: Các tài liệu chị N cung cấp và xác định của gia đình anh D khẳng định trong thời gian hôn nhân, chị N và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/02/2012 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 26/9/2009. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/02/2012. Mặc dù anh D không thể hiện nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và chứng minh khả năng nuôi dưỡng. Tuy nhiên, chị N cũng không chứng minh được khả năng nuôi dưỡng cả hai con chung. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung trên 07 tuổi, cháu Đ có nguyện vọng ở cùng với mẹ, cháu L có nguyện vọng ở cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và các con chung, giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/02/2012 chị Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 26/9/2009 cho anh Nguyễn Việt D trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh chị không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định đã tự thỏa thuận xong về tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này. Anh D không có ý kiến thể hiện quan điểm về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định không có nợ chung, bị đơn không có ý kiến thể hiện quan điểm về nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị N chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Việt D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/02/2012 cho chị Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động); giao cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 26/9/2009 cho anh Nguyễn Việt D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh chị không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị N và anh D được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở anh chị được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VND (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002354 ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tráng A Tếnh